

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

LỚP MẪU GIÁO NHỎ

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	1=> 9
2	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Bước đi lên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	- Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn	3
3	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m	- Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. - Đi trên ghế thể dục	1,2,5,7

4	Trẻ biết kiểm soát được vận động khi đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi thay đổi hướng đích dắc theo vật chuẩn. - Chạy thay đổi hướng đích dắc theo vật chuẩn. - Chạy chậm 60 - 80 m	7,9
5	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m).	- Tung bắt bóng với người đối diện - Tung bóng lên cao và bắt bóng	1,3
6	Trẻ biết phối hợp tay - mắt khi thực hiện vận động chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân.	- Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.	9
7	Trẻ biết phối hợp tay - mắt khi ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2 m)	- Ném trúng đích nằm ngang - Ném trúng đích thẳng đứng - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay	4,6,7,8
8	Trẻ biết phối hợp tay - mắt khi thực hiện vận động: Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.	- Đập và bắt bóng tại chỗ.	5
9	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây.	6
10	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh khi bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2 m) không chệch ra ngoài.	- Bò chui qua cổng	5
11	Trẻ biết thể hiện nhanh, khéo khi bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4 m.	- Bò bằng bàn tay, bàn chân 3 - 4 m	1

12	Trẻ biết thể hiện nhanh, khéo khi bò chui qua ống dài 1,2 m x 0,6 m.	- Bò chui qua ống dài 1,2 m x 0,6 m.	7
13	Trẻ biết thể hiện nhanh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5 m x 30 cm.	- Trèo qua ghế dài 1,5 m x 30 cm. - Trườn theo hướng thẳng	2,6
14	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo khi bò đích dắc qua 5 điểm	- Bò đích dắc qua 5 điểm.	4
15	Trẻ biết thể hiện nhanh mạnh, khéo léo khi bật - nhảy	- Bật lên tục về phía trước - Bật xa 35 - 40 cm - Bật tách, khép chân qua 5 ô - Bật qua vật cản cao 10 - 15 cm	2,3,5,6
16	Trẻ biết trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,2 m so với mặt đất.	- Trèo lên xuống 5 giống thang.	8
17	Trẻ biết nhảy lò cò được ít nhất 3 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	- Nhảy lò cò 3 m	8
18	Trẻ biết nhảy xuống từ độ cao 35 - 40 cm.	- Bật - nhảy từ trên cao xuống (30 - 35 cm)	4
19	Trẻ biết thực hiện được các vận động. Cuộn - xoay tròn cổ tay - gập, mở các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ...	1,3,4,7,9
20	Trẻ biết phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Vẽ hình người, nhà, cây.	- Tô, vẽ hình.	1,4,5,6,8

21	Trẻ biết phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Cắt thành thạo theo đường thẳng.	- Xé, cắt đường thẳng.	1,3
22	Trẻ biết phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Xây dựng lắp ráp với 10 - 12 khối	- Lắp ghép hình.	1->9
23	Trẻ biết phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Biết tết sợi đôi.	- Tết sợi đôi.	2,4,8
24	Trẻ biết phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Tự cài, cởi cúc, buộc dây.	- Cài, cởi cúc, buộc dây.	3,5,7

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

25	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá ... có nhiều chất đạm. Rau quả chín có nhiều vi tamin.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng)	2,4,6,8,9
26	Trẻ nói được một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, kho, rán; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.	1,3,5,7

27	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	1,2
28	Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. - Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết	2,3
29	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	4
30	Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	- Trẻ biết một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	1,3
31	Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	8
32	- Trẻ biết tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Trẻ biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	1,2

33	Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh đơn giản về đường hô hấp đầu mùa, covid - 19, cúm A	2
34	Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh: Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	3
35	Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh: Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Bỏ rác đúng nơi quy định.	5
36	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	3,4
37	Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm không được chơi gần. - Trẻ có kỹ năng ứng phó phù hợp trước trong và sau thiên tai	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như: Khe, suối, bể nước, nơi có nguy cơ sạt lở...khu vực an toàn của trường/nơi lánh nạn khi có thiên tai, hoạt động phòng chống thiên tai của gia đình.	7,8
38	Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt ...	6

39	Trẻ biết được một số hành động nguy hiểm không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Không ăn thức ăn có mùi ôi: không ăn lá, quả lạ...không uống rượu bia, cà phê: không được tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn	- Không ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê hút thuốc lá là không tốt cho sức khỏe.	2
40	Trẻ biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo	- Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô.	4
41	Trẻ biết được một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.	- Tránh một số trường hợp không an toàn: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã, chảy máu. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: <i>Cháy, nổ, chập điện,</i>	8,9
42	Trẻ biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	- Địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi lạc hỏi gọi người lớn giúp đỡ	3
43	Trẻ biết kêu cứu và chạy ra khỏi nơi nguy hiểm	- Khi gặp nguy hiểm (bị đánh, bị ngã, bị thương, chảy máu...) - Kêu cứu - Gọi người lớn - Nhờ bạn gọi người lớn - Hành động tự bảo vệ	7,8
Điều chỉnh bs			

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
Khám phá khoa học			
44	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: "Vì sao cây lại héo? : "Vì sao lá cây bị úớt?"....	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người: <i>Mùa xuân đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người ..</i> - <i>Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.</i>	6
45	Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật , cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đến con người. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi, cát - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Chức năng các giác quan và các bộ phận trên cơ thể. - Đặc điểm công dụng của một số phương tiện GT và phân loại theo 1-2 dấu hiệu	1,2,5,6,7
46	Trẻ làm được thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường / muối vào nước, dự đoán quan, sát so sánh.	- Làm được thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường / muối vào nước, dự đoán quan, sát so sánh. - <i>Tên, đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi bằng Tiếng Việt.</i>	8
47	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện...	1

48	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu. <i>Trẻ nhận biết, phân biệt nói tên, đặc điểm các từ, câu bằng tiếng việt: trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, các giác quan trên cơ thể, màu sắc, các thành viên, nghề nghiệp, con vật cây, hoa, quả, PTGT....</i>	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu - <i>Nói được các từ, câu chỉ đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người rõ ràng bằng Tiếng Việt</i> - <i>Kể tên và nói được đặc điểm bằng Tiếng Việt các bộ phận, giác quan của cơ thể.</i>	2,3,5,6,7
49	Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "cho thêm đường / muối nên nước ngọt / mặn hơn". <i>Trẻ biết một số thiên tai xảy ra ở Việt Nam và cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai</i>	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - <i>Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</i> - <i>Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai:</i> + <i>Động đất: Ra chỗ đất chống...; Sắm sét tránh xa đường dây điện, cây to, các vật dụng kim loại...</i>	1,5,6,8
50	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Giải quyết vấn đề đơn giản	9

51	Trẻ biết nhận xét trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	1,5,6,8
52	Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	9

b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.

53	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: "Bao nhiêu?"; "Là số mấy?"...	- Quan tâm đến các con số như thích hỏi về số lượng và đếm hỏi: "Bao nhiêu?"; "Là số mấy?".	1,3,4
54	Biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	1,3,4,6,7,8,9
55	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	1,3,4,6,7,8,9
56	Trẻ gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 đếm và nói kết quả.	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 đếm và nói kết quả.	1,3,4,6,7,8,9
57	Trẻ tách được một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	1,3,4,6,7,8,9
58	Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	1,3,4,6,7,8,9

59	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe)	3
60	Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1 ghép đôi - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc..	1,9
61	Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo	8,9
62	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: Hình vuông, tam giác, chữ nhật, hình tròn.	5
63	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	5
64	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, trên - dưới, phải - trái)	5,6
65	Trẻ mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	8
c. Khám phá xã hội			
66	Trẻ nói được họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân: <i>Phân biệt được bạn trai, bạn gái và bình đẳng giữa bạn trai và bạn gái</i>	2
67	Trẻ nói được họ, tên công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên công việc của bố, mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình	3

68	Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà mình, đường phố/thôn xóm), khi được hỏi, trò chuyện.	- <i>Nói được rõ ràng bằng Tiếng Việt</i> địa chỉ gia đình (số nhà, đường phố/thôn xóm).	3
69	Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.	1
70	Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Công việc của các cô bác trong trường.	1
71	Trẻ nói được tên đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện <i>bằng tiếng việt</i> .	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn: Các hoạt động của trẻ ở trường.	1
72	Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm / ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - <i>Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH: dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ cứu nạn, ...</i>	4
73	Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. <i>Ngày hội đến trường của bé; Ngày tết trung thu; 20/11; Tết Nguyên đán; tết dân tộc Mông, ngày 8/3...</i>	1,2,4,6,7,9

74	Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích, lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước. - <i>Một vài cảnh đẹp, lễ hội, quê hương, đất nước, một số địa danh liên quan đến Bác Hồ. Thăm quan đài tưởng niệm Ma Thị Hồ (Vừ A Sô); Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ chỉ địa danh ở Điện Biên: Tượng đài chiến thắng Điện Biên; Đồi A1, Hàm đờ cát.</i>	9
Điều chỉnh bs			
3, Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
a, Nghe hiểu lời nói			
75	Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào vào bông hoa màu vàng.	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu	2,3
76	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu được các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	5,6
77	Trẻ lắng nghe trao đổi với người đối thoại.	- Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	2,4,6,8,9
78	Trẻ biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được. <i>Trẻ nói được tiếng việt khi được người lớn yêu cầu</i>	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu và hoàn cảnh giao tiếp.	3,9

79	Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	-Phát âm rõ các từ tiếng việt có chứa các âm khó cho trẻ dân tộc thiểu số - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	7,8
80	Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Trả lời và đặt câu hỏi bằng tiếng việt: "Ai?"; "cái gì?"; "ở đâu?"; "khi nào?" "để làm gì?" - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - <i>Hiểu ý nghĩa của từ biến đổi khí hậu, giải thích nguyên nhân, diễn biến của BĐKH theo mối liên hệ đơn giản: Vì chặt phá rừng nên bị lũ lụt, sạt, lở đất</i>	1,2,3,4,5
81	Kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	6
82	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao....	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9
83	Kể truyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe <i>dưới sự dẫn</i> .	1,3,5,7
84	Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch	5
85	Sử dụng các từ như: "Mời cô"; "mời bạn"; "cảm ơn"; "xin lỗi"...trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị lễ phép.	3
86	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	-Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.	6
87	Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	7

88	Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật hiện tượng trong tranh ảnh.	2
89	Cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" theo tranh minh họa ("Đọc vẹt").	Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	1
90	Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	- Làm quen kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...	3,7
91	Trẻ sử dụng kí hiệu để: "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	- "Đọc" truyện qua các tranh vẽ - Nhận dạng một số chữ cái <i>trong bảng tiếng việt (Từ 10 - 15 chữ)</i> o-ô-ơ; a- ă- â; e-ê; u-ư; i-t-c - Tập tô, tập đồ các nét chữ	1,2,3,4
92	- Trẻ nhận biết và kể tên bằng tiếng, việt: Trường, lớp đồ chơi, đồ dùng, hành động, bộ phận, các, giác quan cơ thể; các thành viên trong gia đình; màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa , quả, con vật, PTGT, mùa hè...	-Nói rõ ràng các từ, câu Tiếng Việt chỉ tên, tuổi, đặc điểm trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè...	1,2,4,5,6
Điều chỉnh			
bs			

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội

93	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính.	2
94	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân. - <i>Bình đẳng giới</i>	2

95	Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	4
96	Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao: Trục nhật, xếp dọn đồ chơi.	5
97	Trẻ nhận biết cảm xúc. Vui, buồn, sợ, hãi, tức, giận, ngạc nhiên qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ giọng nói, tranh ảnh.	6
98	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	3,7
99	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng bác Hồ.	- Hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc..)	9
100	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.	9
101	Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. <i>Ngày hội đến trường; Ngày tết trung thu; 20/11; Tết Nguyên đán; tết dân tộc Mông, ngày 8/3...</i> - <i>Một vài cảnh đẹp, lễ hội, quê hương, đất nước, một số địa danh liên quan đến Bác Hồ. Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ chỉ địa danh ở Điện Biên: Đồi A1, Hàm đờ cát, đài tưởng niệm...</i>	6,9

102	Trẻ biết thực hiện một số qui định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ: Trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường).	7
103	Trẻ biết nói cảm ơn xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ, lễ phép. - Quan tâm, giúp đỡ bạn.	1
104	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chú ý nghe khi cô, bạn khác nói.	2
105	Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác.	3
106	Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Trao đổi để thỏa thuận với các bạn và chấp nhận thực hiện theo ý kiến chung.	4
107	Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối. Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường. - Sử dụng đồ chơi, đồ dùng của nhà trường có hiệu quả, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.	5,6
108	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định.	- Bỏ rác đúng nơi qui định.	7
109	Không bẻ cành, bứt hoa.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Phân biệt hành vi "đúng" - " sai", " tốt"- xấu".	8
110	Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước	8
Điều chỉnh bs			

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
111	Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	3
112	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ. Thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca)	2,4,5
113	Trẻ thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	5
114	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái, qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát	1->9
115	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát bản nhạc.	1->9
116	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	- Phối hợp các nguyên vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm	1,2,5,6,8,7,9
117	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc đường nét và bố cục	1, 4,5,6,8

118	Xé cắt, theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục.	- Xé cắt, theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục.	1,3,4,5,9
119	Trẻ biết làm lồm, đổ bột, bẻ lẻo, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành nhiều sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có kích thước hài hòa bố cục cân đối hòa,bố cục cân đối.	3,6,7
120	Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét.	1->9
121	Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng- đường nét.	1->9
122	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	1->9
123	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	1->9

124	Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích	2
125	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình - Thể hiện sự hiểu biết qua các hoạt động âm nhạc, tạo hình, vui chơi: Hoạt động chơi ngoài trời, hoạt động góc...	3
Điều chỉnh			

Giáo viên

Tổ chuyên môn

Nhà trường ký duyệt